

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2024/DS-ST

Ngày: 05 – 9 – 2024

V/v: “Tranh chấp hui”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Út.

Ông Vũ Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Võ Thuý Nhị - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 8 và ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về: “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồng Hoàng E, Sinh năm: 1963.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Hồng Hoàng E là: Ông Hồng Minh N, sinh năm 1992. (Có mặt) (Văn bản uỷ quyền ngày 12/8/2024)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1/ Ông Hồng Minh B, sinh năm 1970.

2/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Hồng Minh B là: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975. (Có mặt) (Văn bản uỷ quyền ngày 31/5/2024)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

3/ Ông Trần Quốc L, sinh năm 1995.

4/ Bà Hồng Thị N1, sinh năm 1992.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Quốc L là: Bà Hồng Thị N1, sinh năm 1992.(Vắng mặt khi tuyên án) (Văn bản uỷ quyền ngày 12/6/2024)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2024 và Biên bản hoà giải ngày 12/6/2024 nguyên đơn ông Hồng Hoàng E trình bày: Ông có tham gia hội do ông Hồng Minh B và bà Nguyễn Thị H làm chủ cụ thể như sau:

- Hội 3.000.000 đồng, mở ngày 30/7/2021 âm lịch, tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, gồm có 45 chân, ông tham gia 01 phần (đứng tên hội viên là 2 Em, tại số thứ tự 20). Đến ngày 15/11/2021 âm lịch, ông Minh B và bà H bán cho ông thêm 01 phần hội trong dây hội này. Mua với giá 94.400.000 đồng. Phần hội mua, ông trúng thăm hốt hội vào ngày 15/4/2023 âm lịch với số tiền được lĩnh là 131.370.000 đồng. Phần hội tham gia, ông hốt hội vào ngày 30/4/2023 âm lịch với số tiền được lĩnh 127.800.000 đồng.

- Hội 1.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2021 âm lịch, tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, gồm 44 chân, ông tham gia 01 phần (đứng tên hội viên là 2 Em, tại số thứ tự 34). Đến ngày 15/11/2021 âm lịch, ông B và bà H bán cho ông thêm 01 phần hội trong dây hội này. Mua với giá 34.170.000 đồng. Phần hội mua ông trúng thăm hốt hội vào ngày 30/5/2023 âm lịch với số tiền được lĩnh là 41.680.000 đồng. Phần hội tham gia, ông trúng thăm hốt hội vào ngày 15/6/2023 âm lịch với số tiền được lĩnh là 41.400.000 đồng.

- Hội 500.000 đồng, mở ngày 15/01/2022 âm lịch, hội khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, gồm 66 chân, ông tham gia 02 phần (đứng tên hội viên là 2 Em, tại số T, 37). Đã đóng được 39 kỳ. Đến ngày 30/7/2023 âm lịch, thì ông Minh B và bà H tự ý tuyên bố đình không nói lý do. Dây hội này thỏa thuận bỏ thăm để nhận tiền 02 phần hội vào tháng 12/2023 âm lịch và tháng 3/2024 âm lịch, theo hội mãi: $39 \text{ lần} \times 02 \text{ phần} \times 500.000 \text{ đồng} = 39.000.000 \text{ đồng}$.

Qua đối trừ ông B và bà H còn nợ hội ông như sau:

Dây hội thứ nhất: Phần hội mua, số tiền ông được lĩnh là 131.370.000 đồng, đã qua phía ông Minh B và bà H đã giao cho ông được 100.000.000 đồng. Đối trừ số tiền ông chưa góp hội sống của các dây hội khác là 2.210.000 đồng. Vậy phần hội này ông B và bà H còn nợ là 29.160.000 đồng. Phần hội tham gia, ông được lĩnh 127.800.000 đồng, đã qua phía ông Minh B và bà H đối trừ số tiền ông chưa góp hội sống của các dây hội khác là 3.720.000 đồng, còn lại 124.080.000 đồng. Thế nhưng khoản tiền này phía ông B và bà H chưa giao tiền cho ông. Vậy phần hội này còn nợ 124.080.000 đồng. Tổng cộng 02 phần hội này, phía ông Minh B và bà H còn nợ 153.240.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Phần hội mua, ông được lĩnh 41.680.000 đồng. Đã qua phía ông Minh B và bà H đối trừ số tiền ông chưa góp hội chết của các dây hội khác 3.710.000 đồng, còn lại 37.970.000 đồng. Nhưng khoản tiền này phía ông Minh B và bà H chưa giao tiền cho ông. Phần hội tham gia, ông được lĩnh 41.400.000 đồng. Đã qua phía ông Minh B và bà H đối trừ số tiền ông chưa góp hội chết của các dây hội khác là 2.000.000 đồng, còn lại 39.400.000 đồng. Nhưng khoản tiền này phía ông Minh B và bà H chưa giao tiền cho ông. Tổng cộng 02 phần hội này, phía ông Minh B và bà H còn nợ lại 77.370.000 đồng.

Dây hội thứ ba: Phía ông Minh B và bà H còn nợ số tiền 39.000.000 đồng.

Tổng cộng 05 phần hội này, phía ông Minh B và bà H còn nợ 269.610.000 đồng. Đã qua thì bà N1 và ông L đã trả được 45.000.000 đồng.

Khi chuẩn bị khai hội thì do bà H trực tiếp đến rủ vợ chồng ông tham gia hội nên ông mới tham gia chứ nếu vợ chồng bà N1 rủ thì ông đã không tham gia. Quá trình chơi hội thời gian đầu khai hội tại nhà bà H và do bà H đứng ra tổ chức việc khai hội, thời gian sau vợ chồng bà N1 không còn ở chung nhà với bà H nên mới tổ chức khai hội tại nhà bà N1 do bà N1 chủ trì việc khai hội. Từ khi khai hội đến khi đình hội đều do vợ chồng bà N1 đi gom hội chứ vợ chồng ông M Ba không đi gom hội. Sau khi đình hội ông có đến nhà gặp thì vợ chồng ông M Ba nhưng vợ chồng ông M Ba cố tình tránh mặt, không ra chốt hội mà giao cho vợ chồng bà N1 đứng ra chịu trách nhiệm nợ tiền hội nên tại giấy “thiếu tiền hội ngày 16/3/2024” thì bà N1 và ông L tự đến nhà ông và ghi nội dung chốt hội và số tiền hội. Khi đó, do bức xúc vì vợ chồng ông M Ba không trả tiền nên khi vợ chồng bà N1 đến nhà và ghi số tiền hội còn nợ nên ông đồng ý vì nghĩ là do trong gia đình ông M Ba thỏa thuận với nhau. Các lần hót hội thì đều do vợ chồng bà N1 giao hội, vợ chồng ông Minh B không giao hội lần nào. Khi giao hội có khi giao tiền trực tiếp cũng có khi là chuyển khoản vào số tài khoản con ông tên Hồng Minh N. Khi hót hội thì không giao giấy hót hội cho ông mà có chụp hình gửi qua điện thoại cho ông N và có khi trong giấy hót hội ghi tên chủ hội là chủ hội bà Hồng Thị N1, cũng có giấy hót hội chỉ tính toán số tiền chứ không ghi tên chủ hội. Ông Minh B và bà H biết bà N1 và ông L không có tài sản gì nên cố tình đùn đẩy trách nhiệm để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do quá trình chơi hội thì trong danh sách hội là do ông Hồng Minh B làm chủ và thời gian sau thì do vợ chồng bà N1 đứng ra khai hội, gom hội, giao hội và chốt hội.

Do sai sót trong quá trình tính nên trong giấy chốt hội ngày 16/3/2024 xác định số tiền hội còn nợ là 245.000.000 đồng nhưng thực tế thời điểm đó chỉ còn nợ 224.610.000 đồng. Đã qua, phía bà N1, ông L có trả 3.000.000 đồng. Nay yêu cầu buộc ông B, bà H và ông L, bà N1 liên đới trả số tiền hội còn nợ 221.610.000 đồng.

Biên bản hoà giải ngày 12/6/2024 bị đơn ông Hồng Minh B và bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 30/7/2021 âm lịch, tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, gồm có 45 chân, vợ chồng bà tham gia 02 phần (đứng tên hụi viên là Minh B, tại số T, 22).

- Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2021 âm lịch, tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, gồm 44 chân, vợ chồng bà tham gia 01 phần (đứng tên hụi viên là Minh B, tại số T).

- Hụi 500.000 đồng, mở ngày 15/01/2022 âm lịch, hụi khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, gồm 66 chân, vợ chồng bà tham gia 03 phần (đứng tên hụi viên là Minh B, tại số T, 62, 63).

Việc chơi hụi là do bà N1 và ông L làm chủ hụi chứ vợ chồng bà không làm chủ hụi. Do là con trong gia đình nên khi bà tham gia hụi của N1 làm chủ thì bà cũng không nhận danh sách hụi. Trong danh sách có ghi tên chủ hụi là Hồng Minh B, số điện thoại ghi trong danh sách hụi là của bà N1. Tuy nhiên, việc khui hụi, gom hụi, mua bán hụi đều do bà N1 và ông L thực hiện. Ông M Ba không biết trong danh sách hụi ghi tên ông Minh B và cũng không được sự đồng ý của ông M Ba đến khi bà N1 đình hụi các hụi viên đến yêu cầu thanh toán tiền thì ông M Ba mới biết trong danh sách hụi ghi tên ông Minh B. Nhưng khi đó thì ông Minh B cũng không có ý kiến gì nhưng ông M Ba có hỏi bà N1 về việc ghi tên ông Minh B trong danh sách hụi thì bà N1 nói rằng nếu ghi tên bà N1 thì rủ các hụi viên sẽ không tham gia nên ghi tên ông Minh B. Khi đó, ông M Ba có nói với các hụi viên để vợ chồng N1 lo tiền để trả cho các hụi viên. Ông Hoàng E cho rằng vợ chồng bà rủ vợ chồng ông và các hụi viên khác chơi hụi và thời gian đầu do bà H chủ trì việc khui hụi là không có. Do vợ chồng bà N1 trước đây đi làm ở Bình Dương đến năm 2015 thì vợ chồng bà N1 về sống chung với bà đến năm 2022 thì vợ chồng bà N1 mới ra sống riêng. Trong thời gian sống chung thời gian đầu thì bà N1 tổ chức khui hụi tại nhà nhưng vợ chồng bà không đứng ra tổ chức khui hụi mà do bà N1 thực hiện việc khui hụi. Ông M Ba không làm chủ hụi không đứng ra khui hụi cũng như gom hụi lần nào. Sau khi đình hụi thì ông Hoàng E cũng chốt hụi với bà N1, ông L nên xác định ông Hoàng E tham gia giao dịch hụi với bà N1 và ông L. Do đó, bà N1 và ông L có trách nhiệm thanh toán tiền hụi còn nợ cho ông Hoàng E không liên quan đến vợ chồng bà. Vợ chồng bà không đồng ý thanh toán số tiền 221.610.000 đồng cho ông Hoàng E.

Tại Biên bản hoà giải ngày 12/6/2024 bị đơn bà Hồng Thị N1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Hoàng E về thời gian mở các dây hụi, số chân hụi và thời gian mua bán hụi. Hụi là do vợ chồng bà làm chủ hụi, khi chuẩn bị mở hụi thì do vợ chồng bà đi rủ các hụi viên tham gia nhưng do lúc đó vợ chồng bà đi làm ở Bình Dương mới về nên ghi tên vợ chồng bà trong danh sách hụi thì sợ mọi người sẽ không tham gia nên bà mới để tên ông Hồng Minh B trong danh sách hụi. Khi đó, bà cũng không hỏi ý kiến của ông ông M Ba chỉ nghĩ là để tên cha cho các

hội viên an tâm chứ toàn bộ giao dịch về hội như khai hội, gom hội và giao hội, mua bán hội đều do vợ chồng bà thực hiện. Ông Minh B và bà H không đi gom hội và khai hội lần nào. Thời gian đầu do là sống chung nhà với cha mẹ nên việc khai hội là tại nhà cha mẹ và do bà chủ trì việc khai hội. Thời gian sau vợ chồng có nhà riêng nên khai hội tại nhà bà. Khi các hội viên không đóng hội bà không có khả năng tràn hội nên ngày 30/7/2023 âm lịch bà tuyên đình hội. Sau khi đình hội thì vợ chồng có mời các hội viên lại chốt hội và cũng đã làm giấy chốt hội với ông Hoàng E. Tuy nhiên, do sai sót trong quá trình tính nên trong giấy chốt hội ngày 16/3/2024 xác định số tiền hội còn nợ là 245.000.000 đồng nhưng thực tế thời điểm đó chỉ còn nợ 224.610.000 đồng, đã qua bà đã trả 3.000.000 đồng nên nay đồng ý thanh toán cho ông Hoàng E số tiền 221.610.000 đồng.

Tại Biên bản hoà giải ngày 12/6/2024 bị đơn ông Trần Quốc L trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Hồng Thị N1. Đồng ý thanh toán cho ông Hoàng E số tiền 221.610.000 đồng.

Tại các Biên bản làm việc cùng ngày 12/7/2024 ông Hồng Văn T, bà Nguyễn Thị P, ông Đặng Văn T1, ông Đoàn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H1, bà Lưu Thị Q trình bày: Các ông bà đều có tham gia hội 3.000.000 đồng, mở ngày 30/7/2021 âm lịch, hội 1.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2021, hội 500.000 đồng, mở ngày 15/01/2022. Các dây hội trên đều do ông B và bà H làm chủ, khi mở hội thì do ông Minh B và bà H đến nhà rủ các ông bà tham gia. Thời gian đầu tổ chức khai hội thì ông Minh B và bà H, bà H trực tiếp mở thăm khi các hội viên bỏ thăm và ông Minh B có chứng kiến. Thời gian sau mới tổ chức khai hội tại nhà bà N1. Quá trình giao dịch hội các ông bà có khi đóng hội cho ông M Ba cũng có khi đóng hội cho bà N1 và bà N1 cũng là người giao hội.

Tại biên bản làm việc ngày 12/7/2024 ông Nguyễn Minh N2 trình bày: Ông có tham gia hội 3.000.000 đồng, mở ngày 30/7/2021 âm lịch, hội 1.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2021, hội 500.000 đồng, mở ngày 15/01/2022. Đối với hội 3.000.000 đồng thì bà H là người đứng ra rủ ông tham gia và tổ chức khai hội tại nhà bà H được một thời gian, thời gian sau thì khai hội tại nhà bà N1. Đối với hội 1.000.000 đồng và hội 500.000 đồng đều do bà N1 rủ ông tham gia và do bà N1 tổ chức khai hội, gom hội, giao hội. Trong danh sách hội thể hiện ông M Ba là chủ hội, tuy nhiên giữa ông và bà N1, ông M Ba không phát sinh tranh chấp nên ông không có ý kiến.

Tại biên bản làm việc ngày 12/7/2024 ông Nguyễn Văn B1 trình bày: Ông có tham gia hội 1.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2021, hội 500.000 đồng, mở ngày 15/01/2022. Đối với các dây hội trên thì bà H là người đứng tổ chức khai hội tại nhà bà H được một thời gian, thời gian sau thì khai hội tại nhà bà N1. Bà N1 là người giao hội và tuyên bố đình hội. Số tiền hội giữa ông và bà N1, ông M Ba không phát sinh tranh chấp nên ông không có ý kiến.

Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2024 Trưởng BND ấp H3 xác định: Ông Hồng Thạch U với ông Hồng Minh B có mối quan hệ cha con.

Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2024 Trưởng BND ấp B xác định: Bà Hồng Thị H2 là chị ruột ông Hồng Minh B, ông Võ Văn T2 là cháu gọi ông M Ba là cậu.

Tại biên bản làm việc ngày 16/8/2024 Trưởng BND ấp Bào Châu và ấp M T3 nơi sinh sống của bà Hồng Thị H2 và bà Đinh Thị T4 xác định: Hiện bà H2 đi làm ăn xa không rõ đi đâu, bà T4 không có mặt tại thời điểm xác minh. Do đó, Toà án không làm việc được với bà H2 và bà T4.

Tại biên bản làm việc ngày 21/8/2024 bà Nguyễn Thị Á trình bày: Quá trình ông Hoàng E tham gia hội có mua bán với chủ hội loại hội 3.000.000 đồng mở ngày 30/7/2021 có mua 01 chân giá 94.400.000 đồng mua ở kỳ thứ 06, hội 1.000.000 đồng mở ngày 15/11/2021 mua 01 chân giá 34.170.000 đồng mua ở kỳ thứ 01. Khi mua hội thì do bà đến nhà và đưa tiền cho bà H trực tiếp nhận. Khi đưa tiền thì hai bên không làm biên nhận.

Tại phiên tòa:

- Người đại theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ quan điểm khởi kiện yêu cầu buộc ông Minh B, bà H và ông L, bà N1 liên đới trả số tiền hội còn nợ 221.610.000 đồng.

- Bà H trình bày: Bà và ông M Ba không làm chủ các dây hội mà ông Hoàng E khởi kiện, việc ghi tên ông M Ba làm chủ hội là do bà N1 tự ghi không được sự đồng ý của ông Minh B. Việc mở hội, khai hội, gom hội là do bà N1 và ông L thực hiện nên bà N1 và ông L có trách nhiệm thanh toán tiền hội cho hội viên. Việc mở hội không liên quan đến ông bà nên bà và ông M Ba không đồng ý thanh toán.

- Bà N1 trình bày: Bà và ông L đồng ý thanh toán cho ông Hoàng E số tiền hội 221.610.000 đồng. Việc mở hội là do vợ chồng bà làm chủ, khi mở hội do vợ chồng bà trực tiếp giao dịch với hội viên không liên quan đến ông Minh B và bà H nên ông Minh B và bà H không có trách nhiệm thanh toán nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Hoàng E buộc ông Hồng Minh B, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Quốc L và bà Hồng Thị N1 liên đới nghĩa vụ thanh toán cho ông Hồng Minh B số tiền hội 221.610.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Hồng Hoàng E khởi kiện ông Hồng Minh B, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Quốc L và bà Hồng Thị N1 về tranh chấp hội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông

Hồng Minh B, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Quốc L và bà Hồng Thị Ngọc cư t tại xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đối với bà Hồng Thị H2 và bà Đinh Thị T4, Toà án đã tiến hành làm việc trực tiếp tuy nhiên không làm việc được. Xét thấy, việc mua bán hụi giữa bà H2 và bà T4 đã kết thúc nên không cần thiết đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Tại giấy “thiếu tiền hụi ngày 16/3/2024” thể hiện ông Trần Quốc L và bà Hồng Thị Ngọc n ông Hồng Hoàng E số tiền 245.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Hoàng E xác định tại thời điểm chốt hụi thì chủ hụi chỉ còn nợ số tiền 224.610.000 đồng. Đã qua, phía ông L và bà N1 trả 3.000.000 đồng. Nay yêu cầu buộc ông Minh B, bà H và ông L, bà N1 liên đới trả số tiền hụi còn nợ 221.610.000 đồng. Ông L, bà N1 đồng ý thanh toán số tiền 221.610.000 đồng cho ông Hoàng E. Đối với ông Minh B, bà H không đồng ý thanh toán với lý do ông bà không làm chủ các dây hụi mà ông Hoàng E yêu cầu, việc khai hụi, gom hụi và thanh toán tiền hụi đều do ông L và bà N1 thực hiện, không liên quan đến ông bà. Do đó, các đương sự đã thống nhất với nhau về số tiền hụi nhưng không thống nhất về nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, theo các danh sách loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 30/7/2021, hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2021, hụi 500.000 đồng, mở ngày 15/01/2022 đều ghi chủ hụi tên “Hồng Minh B”. Ông Hoàng E xác định khi mở hụi thì do ông Minh B và bà H rủ các hụi viên tham gia, quá trình chơi hụi thời gian đầu khai hụi tại nhà bà H và do bà H đứng ra tổ chức việc khai hụi, thời gian sau vợ chồng bà N1 không còn ở chung nhà với bà H nên mới tổ chức khai hụi tại nhà bà N1 do bà N1 chủ trì việc khai hụi, các lần hốt hụi đều do bà N1 giao hụi. Sau khi đình hụi bà N1 mời các hụi viên chốt hụi. Lời trình bày của ông Hoàng E phù hợp với lời trình bày của ông Hồng Văn T, bà Nguyễn Thị P, ông Đặng Văn T1, ông Đoàn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H1, bà Lưu Thị Q là các hụi viên có tham gia trong các dây hụi trên. Các hụi viên xác định: *“Các dây hụi trên đều do ông Minh B và bà H làm chủ, khi mở hụi thì do ông Minh B và bà H đến nhà rủ các ông bà tham gia. Thời gian đầu tổ chức khai hụi tại nhà ông Minh B và bà H, bà H trực tiếp mở thăm khi các hụi viên bỏ thăm và ông Minh B có chứng kiến. Thời gian sau mới tổ chức khai hụi tại nhà bà N1”*. Đối với ông Hồng Thạch U, ông Võ Văn T2 với ông Hồng Minh B có mối quan hệ huyết thống nên không tiến hành ghi lời khai để đảm bảo tính khách quan. Các hụi viên được ghi lời khai không có mối quan hệ huyết thống với ông Hoàng E, không mâu thuẫn với ông Minh B, bà H nên không có lý do trình bày bất lợi cho ông Minh B, bà H. Tại đơn xin xác nhận ngày 16/8/2024 do bà H cung cấp có nhiều hụi viên xác định việc mở các dây hụi là do ông L và bà N1 làm chủ, ông Minh B và bà H không làm chủ các dây hụi, tuy nhiên nội dung trong đơn xác nhận không xác nhận bà N1 làm chủ các dây hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 30/7/2021 âm lịch, hụi

1.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2021, hội 500.000 đồng, mở ngày 15/01/2022 nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông Minh B và bà H.

Mặc khác, phía ông Hoàng E và các hội viên đều xác định nếu bà N1 rủ thì các hội viên sẽ không tham gia vì ông Minh B và bà H đã làm hội ở địa phương nhiều năm nay và có uy tín nhất định còn bà N1 tại thời điểm mở hội vợ chồng bà N1 đi làm ở Bình Dương mới về nên nhiều người chưa biết, chưa có uy tín tại địa phương và không có tài sản đảm bảo. Hơn nữa, các danh sách hội đứng tên chủ hội là ông Minh B, ông Minh B cho rằng khi bà N1 ghi tên ông làm chủ trong các danh sách hội ông không biết, đến khi đình hội thì ông mới biết nhưng ông cũng không có ý kiến. Lời trình bày của ông Minh B là không có cơ sở bởi theo hồ sơ thể hiện khi các dây hội được mở từ tháng 7/2021 đến khi đình hội tháng 7/2023 là trong thời gian 02 năm. Đồng thời, trong các dây hội ông Hoàng E khởi kiện bà H tham gia 06 chân đều ghi tên Minh B là hội viên và trong danh sách hội ghi tên Hồng Minh B làm chủ nhưng ông Minh B, bà H không có ý kiến hay thắc mắc cũng như không thông báo cho các hội viên biết ông Minh B, bà H không làm chủ các dây hội nêu trên. Do đó, có cơ sở xác định ông Minh B, bà H làm chủ các dây hội nêu trên là có căn cứ.

Ông Minh B và bà H làm chủ hội của các dây hội tranh chấp và giao dịch hội với các hội viên, sau đó chuyển giao quyền và nghĩa vụ cho ông L, bà N1. Tuy nhiên, khi chuyển giao ông Minh B và bà H không thông báo cho các hội viên và cũng chưa được sự đồng ý của các hội viên. Khi đình hội ông L, bà N1 đã tự nguyện đứng ra chốt hội với các hội viên. Nên có căn cứ xác định ông Minh B, bà H, ông L và bà N1 cùng làm chủ các dây hội nên phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền hội 221.610.000 đồng cho ông Hoàng E là có cơ sở. Đối với 02 phần hội mua của hội 3.000.000 đồng và hội 1.000.000 đồng chủ hội đã nhận tiền mua hội của hội viên nên phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền được lĩnh hội khi mãn hội. Đối với bà T4 và bà H2 là người mua bán tuy nhiên Toà án không làm việc được. Trường hợp có tranh chấp giữa chủ hội với bà T4, bà H2 thì đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Hoàng E buộc ông Minh B, bà H, ông L và bà N1 liên đới nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng E số tiền hội còn nợ 221.610.000 đồng.

[3] Trường hợp ông Minh B, bà H, ông L và bà N1 chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Hoàng E thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí. Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng E được Toà án chấp nhận nên ông Minh B, bà H, ông L và bà N1 phải chịu án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 471, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biểu, phường.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Hoàng E.

Buộc ông Hồng Minh B, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Quốc L và bà Hồng Thị N1 liên đới nghĩa vụ thanh toán cho ông Hồng Hoàng E số tiềnhui 221.610.000 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu sáu trăm mười đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Hồng Minh B, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Quốc L và bà Hồng Thị N1 liên đới chịu số tiền 11.080.500 đồng.

- Ông Hồng Hoàng E thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như